

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ C16XCD
TÊN HỌC PHẦN: KỸ THUẬT THI CÔNG
M? H Ọ C PHẦN : CIE - 403

H Ọ C K Ỳ 4
T Ỉ N C Ễ 2
L ẦN T H I 1

Ngày thi: 21/04/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20		25							55	100		
1	161211002	V? KH ẮC	B?NH	C16XCD	8		6						7	7.0	Báý		
2	161211003	PHAN VĂN	BÔNG	C16XCD	9		6						6	6.6	Sầu pháy Sầu		
3	161211005	PHAN VĂN	CHÍNH	C16XCD	6		5						7	6.3	Sầu pháy Ba		
4	161211006	TÔN MẠNH	CUỜNG	C16XCD	0		2						4	2.7	Hai pháy Báý		
5	161211007	ĐINH MẠNH	CUỜNG	C16XCD	6		5						3	0.0	Khăng		
6	161211008	NGUYỄN DUY	CUỜNG	C16XCD	0		3						5	3.5	Ba pháy Nàm		
7	161211010	PHAN PHỤNG	ĐÔNG	C16XCD	4		4						3	0.0	Khăng		
8	161211011	NGUYỄN VĂN	ĐÔNG	C16XCD	6		5						4	4.7	Bấ pháy Báý		
9	161211012	LÊ VĂN	DỪNG	C16XCD	6		6						3	0.0	Khăng		
10	161211015	TRẦN QUỐC	GIA	C16XCD	4		4						3	0.0	Khăng		
11	161211016	CAO SƠN	HẢI	C16XCD	4		5						4	4.3	Bấ pháy Ba		
12	161211018	TRẦN CÔNG	HẬU	C16XCD	0		4						HP	0.0	Khăng		
13	161211019	NGUYỄN XUÂN	HIỆP	C16XCD	0		3						4	3.0	Ba		
14	161211020	HUỖNH ANH	HIỆP	C16XCD	6		7						3	0.0	Khăng		
15	161211021	ĐẶNG XUÂN	H?A	C16XCD	6		4						3	0.0	Khăng		
16	161211023	NGUYỄN HUY	HÙNG	C16XCD	6		6						5	5.5	Nàm pháy Nàm		
17	161211024	DƯƠNG Đ?NH	HUY	C16XCD	6		5						3	0.0	Khăng		
18	161211029	NGUYỄN Đ?NH	LONG	C16XCD	9		6						5	6.1	Sầu pháy Mắ		
19	161211030	TRƯỜNG HẢI	LONG	C16XCD	4		5						4	4.3	Bấ pháy Ba		
20	161211033	LÊ VĂN	NAM	C16XCD	6		6						5	5.5	Nàm pháy Nàm		
21	161211035	TRẦN Đ?NH	NGUYỄN	C16XCD	0		3						V	0.0	Khăng		
22	161211036	V? NGUY ỄN HOÀNG	NGUYỄN	C16XCD	4		6						7	6.2	Sầu pháy Hai		
23	161211037	TRẦN VĂN	NHÀN	C16XCD	6		6						5	5.5	Nàm pháy Nàm		
24	161211038	PHAN TÂN	PHONG	C16XCD	6		5						4	4.7	Bấ pháy Báý		
25	161211039	NGUYỄN QuỐC	PH?NG	C16XCD	8		4						5	5.4	Nàm pháy Bấ		
26	161211040	HOÀNG ĐỨC	PHƯỜNG	C16XCD	8		6						6	6.4	Sầu pháy Bấ		
27	161211041	TRƯỜNG CÔNG	RIN	C16XCD	0		2						5	3.3	Ba pháy Ba		
28	161211042	TRẦN VĂN	SANG	C16XCD	0		5						3	0.0	Khăng		
29	161211044	HỒ HẢI	THÁI	C16XCD	0		0						HP	0.0	Khăng		
30	161211045	NGUYỄN	THÀNH	C16XCD	4		4						4	4.0	Bấ		
31	161211046	NGUYỄN CHÁNH	THI	C16XCD	8		7						5	6.1	Sầu pháy Mắ		
32	161211047	CAO THỂ	TH?N	C16XCD	9		6						3	0.0	Khăng		
33	161211048	LÊ NGỌC	THỊNH	C16XCD	0		4						3	0.0	Khăng		
34	161211049	TRẦN QUỐC	TOẢN	C16XCD	6		4						3	0.0	Khăng		
35	161211050	TRẦN QUANG	TRUNG	C16XCD	9		6						5	6.1	Sầu pháy Mắ		
36	161211051	HỒ CHÍ	TRUNG	C16XCD	6		4						4	4.4	Bấ pháy Bấ		
37	161211052	TRẦN VĂN	TRUỜNG	C16XCD	8		7						7	7.2	Báý pháy Hai		
38	161211053	NGUYỄN NGỌC	TÚ	C16XCD	6		4						6	5.5	Nàm pháy Nàm		
39	161211054	LÊ VĂN	TUẤN	C16XCD	8		6						6	6.4	Sầu pháy Bấ		
40	161211056	TRẦN ANH	TUẤN	C16XCD	8		7						6	6.7	Sầu pháy Báý		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ C16XCD													
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN:				KỸ THUẬT THI CÔNG				HỌC KỲ				4	
				M? H ỌC PHẦN :				CIE - 403				TÍN CHỈ				2	
Ngày thi:				21/04/2012								LẦN THI				1	
STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú			
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ		
				20		25							55		100		
41	161211058	LÊ VĂN TÙNG	C16XCD	0		5						HP	0.0	Khăng			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	22	54%	
2	Số sinh viên nợ	19	46%	
TỔNG CỘNG :		41	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA
(k? và ghi r? họ tên)

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 05 năm 2012

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú